

Sao kê chi tiết từ **29/01/2016** đến **01/02/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DHL HN-TK CHUYEN THU-VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819998** Số cũ: 41201200034697049999

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **01/02/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance				7,126,869,420.00		
29/01/2016	29/01/2016	GIANG BAO NGOC MSV 401731 NT	120GL04160290001		4,860,000.00	7,131,729,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAN VAN MINH NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016. MA SINH VIEN: 401310 - LOP 4013	113NT01160290001		4,860,000.00	7,136,589,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN NHAT LINH NOP TIEN HOC PHI 08/02/1997,MSV:401155	102NT01160290002		4,860,000.00	7,141,449,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VANG A TINH MSSV: 400241 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290001		4,860,000.00	7,146,309,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LUONG THI THANH MSSV:401539 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290002		4,860,000.00	7,151,169,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DAO THI VAN ANH MSSV:402153 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290004		4,860,000.00	7,156,029,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN DUC CONG MSV 400855 NT	120NT01160290005		4,500,000.00	7,160,529,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAN THI NGA MSV 403570 NT	120NT01160290007		4,680,000.00	7,165,209,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI BICH THUY NOP TIEN HOC PHI CHO HOANG NGOC GIANG, MA SV: 401009,LOP: 4010	360NT02160290001		4,860,000.00	7,170,069,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MINH NGOC MSSV 404055 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290003		5,220,000.00	7,175,289,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU MINH NGOC MSSV: 404060 LOP: 4040 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM 2016	124NT01160290001		5,220,000.00	7,180,509,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN DUC DUONG DONG TIEN HOC PHI . MSSV : 401808 . NHO CHUYEN TIEP DEN CN DONG DO~NC:NGUYEN DUC DUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN DUC DUONG	001CTD1160290005		4,860,000.00	7,185,369,420.00

29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THANH THUY MSSV 400735 NT HOC PHI KY 2-TAI NH BUU DIEN LIEN VIET CN DONG DO~NC:NGUYEN THANH THUY - Nguoi chuyen: NGUYEN THANH THUY	001CTD1160290021		4,860,000.00	7,190,229,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI THU TRANG MSV 403752 NOP THEM TIEN HP	120NT01160290008		360,000.00	7,190,589,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THUY LINH NOP TIEN HP MSSV:402424	102NT01160290006		4,860,000.00	7,195,449,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NGOC HOA MSSV:401126 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290009		4,860,000.00	7,200,309,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DAI THI MAI MSSV:401337 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290010		4,500,000.00	7,204,809,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DINH MINH QUYEN MSSV:403220 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290011		4,680,000.00	7,209,489,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN BAO CHAU MSV 403435 NT	120NT01160290012		4,680,000.00	7,214,169,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRINH THI PHUONG MSSV:403238 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290014		4,680,000.00	7,218,849,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI THU TRA MSV:401715 NT HOC PHI KY 2	002NT01160290004		4,500,000.00	7,223,349,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HONG HANH MSSV 401060 NT HOC PHI	120NT01160290015		4,860,000.00	7,228,209,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THUY NUONG MSSV 400425 NT HOC PHI	120NT01160290016		4,860,000.00	7,233,069,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHU THI LIEN MSSV 402431 NT HOC PHI	120NT01160290017		3,000,000.00	7,236,069,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HA QUY DON MSSV 403111 NOP HOC PHI	120CT01160290002		5,220,000.00	7,241,289,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NGOC MSSV 402713 NT HOC PHI	120NT01160290018		4,500,000.00	7,245,789,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THIEN HUONG NOP TIEN HOC PHI HK II MSSV 402043 LOP 4020	101NT01160290003		5,040,000.00	7,250,829,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI TU ANH MSSV 402155 NT HOC PHI	120NT01160290020		4,860,000.00	7,255,689,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI CAM TU MSSV 401134 NT HOC PHI	120NT01160290021		5,040,000.00	7,260,729,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TA MINH LOAN MSSV 402156 NT HOC PHI	120NT01160290022		5,220,000.00	7,265,949,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VUONG THUY LINH MSSV 403466 NT HOC PHI	120NT01160290024		4,680,000.00	7,270,629,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRINH THI THU THUY MA SO SINH VIEN403747 ~NC:SS0984224144 - Nguoi chuyen: SS0984224144	001CTD1160290043		5,220,000.00	7,275,849,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHUYEN KHOAN TAI MAY ATM	105ZATM160290003		4,860,000.00	7,280,709,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DOAN NGOC YEN MSV: 403041 NT HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016	123NT01160290002		15,060,000.00	7,295,769,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI KI 2 NAM HOC 2016, SV PHAM HONG NHUNG, MSSV 402526	130NT02160290001		4,860,000.00	7,300,629,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HA THI PHUONG MSSV: 400266 LOP: 4002 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM 2016	124NT01160290003		5,040,000.00	7,305,669,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI KY II NAM 2015-2016 CHO TRAN KHANH TRINH MSV:403329	430NT02160290001		4,680,000.00	7,310,349,420.00

29/01/2016	29/01/2016	TC:VNCN16569.Ho va ten: Mac An Chi; MSSV: 402944; Lop 4029B~NC:TRAN NGOC THANH - Nguoi chuyen: TRAN NGOC THANH	001CTD1160290097		15,060,000.00	7,325,409,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI THUY KIEU MSV 403362~NC:HOANG THI THUY KIEU - Nguoi chuyen: HOANG THI THUY KIEU	001CTD1160290099		4,680,000.00	7,330,089,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BCIN:FT1602900570:Nop tien hoc phi. Ho va ten sinh vien: BUI PHUONG LINH. Ma sinh vien:401934~NC:BUI VIET DUNG - Nguoi chuyen: BUI VIET DUNG	001CTD1160290116		5,040,000.00	7,335,129,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI KY II NAM 2015-2016 CUA SV HOANG THUY LINH MSV 400230 TRUONG DH LUAT HN	420NT02160290002		4,860,000.00	7,339,989,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THANH THU MSSV:400335 LOP 4003 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290026		4,860,000.00	7,344,849,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HOANG GIANG MSSV:401515 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290027		4,860,000.00	7,349,709,420.00
29/01/2016	29/01/2016	KIM THAO LINH MSSV:400649 NOP TIEN HOC	120NT01160290028		4,860,000.00	7,354,569,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU TRUONG ANH MSSV:403467 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290029		4,680,000.00	7,359,249,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI VAN MSSV 402050 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290004		4,860,000.00	7,364,109,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THI THANH PHUONG MSSV 403528 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290005		5,220,000.00	7,369,329,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN HUONG GIANG MSV 400760 NOP TIEN HOC PHI	280NT02160290002		4,600,000.00	7,373,929,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI QUYNH ANH MSSV 403643 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290006		4,680,000.00	7,378,609,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN VAN QUAN MSSV 401859 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290007		4,860,000.00	7,383,469,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN ANH THU MSSV 402412 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290008		4,500,000.00	7,387,969,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HUYNH PHUONG NGAN MA SV 403026 NOP HOC PHI KY 2 VAO TK TRUONG DAI HOC LUAT HN	100NT01160290001		15,060,000.00	7,403,029,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI KIM CHI LOP 4006 MSSV 400645 NOP HOC PHI HOC KI 2	105NT01160290010		4,500,000.00	7,407,529,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN TRAN PHUONG THAO NT HOC PHI KY 2/2016 (MSV:401632) - TK TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI	411NT02160290001		4,500,000.00	7,412,029,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LUU THANH THUY MA SV 403808 NOP TIEN HOC	122NT01160290002		5,220,000.00	7,417,249,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THU HA :VU THI MINH ANH, LOP 4002, MSV:400236. NOP HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016	370NT02160290003		4,500,000.00	7,421,749,420.00

29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI HUONG LY MSV 400903 NOP TIEN HOC PHI KY 2 KHOA 40	130NT02160290002		4,860,000.00	7,426,609,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI HAI YEN MSV 402121 NOP TIEN HOC PHI	121NT01160290003		4,860,000.00	7,431,469,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN BINH TRUC QUYNH MSV 402931 LOP 4029A NT HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016	105NT01160290011		15,060,000.00	7,446,529,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TEN SV: LE THI KHANH HUYEN;msv 401342;LOP 4013 NOP HOC PHI KY 2,NAM HOC 2015-2016	124NT01160290005		4,680,000.00	7,451,209,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU PHUONG THAO 403734 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290010		5,220,000.00	7,456,429,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO HA LINH MSSV 403001 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290011		15,080,000.00	7,471,509,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NGOC ANH MSSV 403469 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290012		2,880,000.00	7,474,389,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU PHUONG HA NT MSSV:403740	102NT01160290007		5,220,000.00	7,479,609,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DOAN TRUC PHUONG MSV 403025 LOP 30A2 NOP TIEN HOC PHI HK 2 NAM 2015_2016	124NT01160290007		15,060,000.00	7,494,669,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHUYEN KHOAN TAI MAY ATM	120ZATM16029000C		4,860,000.00	7,499,529,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN KHAC SON DUONG MSV 402930 NOP TIEN HOC PHI KY 2	130NT02160290003		15,600,000.00	7,515,129,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI MY LINH - 403658	114NT01160290017		4,680,000.00	7,519,809,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI BANG GIANG NOP HOC PHI K40 MA SO SINH VIEN:401433	102NT01160290008		4,860,000.00	7,524,669,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI HOC KY II SV : QUAN THI THU QUYNH - MSSV :403568 LOP 4035	101NT01160290005		4,680,000.00	7,529,349,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MINH MSSV 403417 NT HOC PHI	120NT01160290030		4,680,000.00	7,534,029,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THUY MSSV:403945 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290031		5,220,000.00	7,539,249,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHI SINH SINH HOAT PHI CHO SINH VIEN CU TUYEN TUYEN QUANG	120aa12160290001	218,270,000.00		7,320,979,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHUYEN TIEN HOC PHI KY 2 NAM 2016 SV NGUYEN NGUYET ANH MA SV 401220. TK TAI CN DONG DO ~NC:LE THI THANH - Nguoi chuyen: LE THI THANH	001CTD1160290129		4,860,000.00	7,325,839,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGO THI THUY LINH MSV 403008 ~NC:0912547806 - Nguoi chuyen: 0912547806	001CTD1160290132		15,060,000.00	7,340,899,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CONG THI THU THUY MSSV:404051 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290032		5,220,000.00	7,346,119,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BAN THI NGA MSSV:400767 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290033		5,040,000.00	7,351,159,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN PHUONG THAO MSSV:404033 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290034		5,220,000.00	7,356,379,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI TRANG MSSV 402360 NOP HOC PHI	120NT01160290035		4,860,000.00	7,361,239,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM PHUONG HA MSSV 403023 NT HOC PHI KI II	120NT01160290036		15,060,000.00	7,376,299,420.00

29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN VUONG HA MSSV 400818 NT HOC PHI	120NT01160290037		4,860,000.00	7,381,159,420.00
29/01/2016	29/01/2016	THAO CONG MINH MSSV 402218 NT HOC PHI	120NT01160290038		4,860,000.00	7,386,019,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BAN THI HUONG MSSV 400342 NT HOC PHI HOC KI II	120NT01160290039		4,500,000.00	7,390,519,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN UYEN CHI MSSV 401546 NT HOC PHI	120NT01160290040		4,860,000.00	7,395,379,420.00
29/01/2016	29/01/2016	MA SO SINH VIEN 402967 VU THI NGOC MAI (TIEN HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016)	310NT02160290001		15,060,000.00	7,410,439,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LU THI TAM MSSV 400252 NT HOC PHI	120NT01160290041		4,860,000.00	7,415,299,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LAI THI MINH MSSV 400260 NT HOC PHI	120NT01160290042		4,860,000.00	7,420,159,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DUONG THI THAO MSSV 402620 NT HOC PHI	120NT01160290043		4,860,000.00	7,425,019,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU VAN GIANG MSSV 400802 NT HOC PHI	120NT01160290044		5,040,000.00	7,430,059,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HA HAI NAM MSSV: 401616 NT HOC PHI HOC KY 2 - 27 TIN	002NT01160290005		4,860,000.00	7,434,919,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DOAN NGOC ANH NOP TIEN HOC MSSV:401727	102NT01160290009		4,500,000.00	7,439,419,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HOAI THUONG, MA SV: 402645 NT HOC PHI KY 2	190NT02160290001		4,500,000.00	7,443,919,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI NGA MSSV:401828 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290046		4,860,000.00	7,448,779,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO THI HIEN MSSV:360637 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290047		7,560,000.00	7,456,339,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Le Thi Anh, MSV 401615, nop hoc phi	103g001160290002		60,000.00	7,456,399,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE HOANG YEN NHI MSSV:402325 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160290048		4,500,000.00	7,460,899,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN PHUONG HUYEN - 401856 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290049		4,860,000.00	7,465,759,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN MINH HANG MSSV:401224 NOP HOC PHI	120NT01160290050		4,860,000.00	7,470,619,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO MINH NGOC MSSV:403651 NOP HOC PHI HOC KY 2	120NT01160290051		4,860,000.00	7,475,479,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE KHANH HUYEN MSSV:402902 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290052		15,060,000.00	7,490,539,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG BA MANH MSSV:401214 NOP HOC PHI	120NT01160290053		4,860,000.00	7,495,399,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAN KHANH TUNG MSSV:402606 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290054		4,860,000.00	7,500,259,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI KIM THOAN MSSV:402702 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290055		4,680,000.00	7,504,939,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG HONG NGA MSSV:400526 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290056		4,860,000.00	7,509,799,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN HOANG PHUOC MSSV 402111 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290014		5,040,000.00	7,514,839,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THU THAO MSSV:402146 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290057		4,860,000.00	7,519,699,420.00

29/01/2016	29/01/2016	LE THI MAI HUONG MSSV 401240 NOP HOC PHI KI II 2015-2016	103NT01160290015		4,860,000.00	7,524,559,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI LAN HUONG MSSV 403128 NOP HOC PHI KI 2 (2015-2016)	103NT01160290016		5,220,000.00	7,529,779,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGO THI LINH HUYEN MSSV 401734 NOP HOC PHI KI II NAM 2015-2016	103NT01160290017		4,500,000.00	7,534,279,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THIEU QUANG MSSV 370377 NOP HOC PHI KI II + GIAO DUC QUOC PHONG NAM 2015-2016	103NT01160290018		3,960,000.00	7,538,239,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THU TRANG 403155 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290019		4,680,000.00	7,542,919,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LAM THACH THAO MSSV 400737 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290020		4,860,000.00	7,547,779,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NGOC AN LOP 4029B MSSV 402971 DONG TIEN HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	105NT01160290013		15,060,000.00	7,562,839,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THANH NHUNG MSSV 403457 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290021		4,680,000.00	7,567,519,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM LE NGOC MAI MSSV 403741 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290022		5,220,000.00	7,572,739,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HA THI NGOC LINH MSSV 403134 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160290023		5,220,000.00	7,577,959,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HANG MSSV 402560 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160290024		4,140,000.00	7,582,099,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO PHUONG THUY MSSV 402227 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160290025		4,500,000.00	7,586,599,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THANH HA MSSV 401243 NOP HOC PHI KI II 2015-2016	103NT01160290026		4,860,000.00	7,591,459,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO THI HUONG MSV403718 NT	120NT01160290058		5,220,000.00	7,596,679,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI PHUONG MSV 403650 NT	120NT01160290059		5,220,000.00	7,601,899,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MY DUYEN MSV 401045 NT	120NT01160290060		4,860,000.00	7,606,759,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TONG THI LINH MSV MSV 403654 NT	120NT01160290061		5,220,000.00	7,611,979,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THUY TRANG MSSV 402437 NOP HOC PHI KI II 2015-2016	103NT01160290027		4,500,000.00	7,616,479,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THUY TRANG MSSV 402427 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290028		4,500,000.00	7,620,979,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THUY LINH MSSV 402962 NOP HOC PHI KI II	103NT01160290029		15,060,000.00	7,636,039,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG THI THUY TIEN MSSV 402442 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290030		4,500,000.00	7,640,539,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN KIM HOAN MSSV 401517 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290031		4,860,000.00	7,645,399,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN HAI LY, MSV 402135 NOP TIEN HOC PHI HK2	360NT02160290003		4,500,000.00	7,649,899,420.00

29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THANH THUY -MSSV: 403930 CT~NC:NGUYEN THANH THUY - Nguoi chuyen: NGUYEN THANH THUY	001CTD1160290184		5,220,000.00	7,655,119,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Nhan tai NH Buu dien Lien Viet CN dong do, Nguyen Thi Thuy Quynh MSSV: 403744 nop hoc phi ky II~NC:Nguyen Thi Thuy Quynh - Nguoi chuyen: Nguyen Thi Thuy Quynh	001CTD1160290191		5,220,000.00	7,660,339,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TC:VNVT171444.VCBVT.8416 63616326.CT ngoai he thong cho Truong Dai hoc Luat Ha Noi.TK 999998819998.NH LPB.VNVT20160129171444.Le Phuong An mssv 401524 hoc phi~NC:LE PHUONG AN - Nguoi chuyen: LE PHUONG AN	500CTD1160290124		4,860,000.00	7,665,199,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HA THI HUONG NHI MA SV: 401950, NOP TIEN HOC KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01160290012		4,860,000.00	7,670,059,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI VAN NHU MSV 402551 NTHP	120NT01160290062		4,500,000.00	7,674,559,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG THI MY HANH NOP TIEN HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016 MSSV: 400509	113NT01160290006		4,860,000.00	7,679,419,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAN HOANG NAM MSV 403864 NTHP	120NT01160290063		5,220,000.00	7,684,639,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO THI QUYNH TRANG MSV 404037 NTHP	120NT01160290064		5,200,000.00	7,689,839,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI HOAI THO MSV 400464 NTHP	120NT01160290065		4,860,000.00	7,694,699,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG VAN QUYET MSV 401865 NTHP	120NT01160290066		3,960,000.00	7,698,659,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE DINH DAT MSV 400962 NTHP	120NT01160290067		4,500,000.00	7,703,159,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN NGUYET OANH MSV 371113 NTHP	120NT01160290068		6,120,000.00	7,709,279,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HANG MSV 401349 NTHP	120NT01160290069		4,860,000.00	7,714,139,420.00
29/01/2016	29/01/2016	MAC THI HIEN MSV 402744 NTHP	120NT01160290070		4,860,000.00	7,718,999,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THU PHUONG MSV 403634 NTHP	120NT01160290071		5,220,000.00	7,724,219,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO THI HOA MSV 403948 NTHP	120NT01160290072		5,220,000.00	7,729,439,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THU HA MSV 403963 NTHP	120NT01160290073		5,220,000.00	7,734,659,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI DIEU MY MSV 401428 NTHP	120NT01160290074		4,860,000.00	7,739,519,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG THI NHUNG MSV 403944 NTHP	120NT01160290075		5,220,000.00	7,744,739,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THI LINH MSV 401716 NTHP	120NT01160290076		4,500,000.00	7,749,239,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI PHUONG THAO MSV 401508 NTHP	120NT01160290077		4,860,000.00	7,754,099,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN MAI ANH MSV 403936 NTHP	120NT01160290078		5,220,000.00	7,759,319,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG QUOC ANH MSV 403207 NTHP	120NT01160290079		3,240,000.00	7,762,559,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAN THI HUONG MSV 401358	120NT01160290080		5,040,000.00	7,767,599,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO MSV 403652 NTHP	120NT01160290081		4,680,000.00	7,772,279,420.00

29/01/2016	29/01/2016	LUU THI HA MSV 401513 NTHP	120NT01160290082		5,040,000.00	7,777,319,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BE THI HUONG MSV 400348 NTHP	120NT01160290083		4,500,000.00	7,781,819,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRINH THI PHUONG ANH MSV 401854 NTHP	120NT01160290084		4,860,000.00	7,786,679,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN PHUONG THAO MSV 401849 NTHP	120NT01160290085		4,860,000.00	7,791,539,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LUONG THI BEN MSV 403203 NTHP	120NT01160290086		4,680,000.00	7,796,219,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN NGOC THAO MSV 402907 LOP CLC4029A HOC PHI KY II DE NGHI CHUYENTIEP CN DONG DO ~NC:01685366240 - Nguoi chuyen: 01685366240	001CTD1160290201		15,060,000.00	7,811,279,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE MINH QUAN 400108-NOP HOC PHI TINCHI HOC KY II ~NC:0966323796 - Nguoi chuyen: 0966323796	001CTD1160290219		4,500,000.00	7,815,779,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI YEN NHI MSV 401264 NTHP	120NT01160290087		4,860,000.00	7,820,639,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRIEU THI THINH MSV 401261 NTHP	120NT01160290088		4,860,000.00	7,825,499,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DOAN THI NGOC MAI MSV 403657 NTHP	120NT01160290089		5,220,000.00	7,830,719,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN VAN PHUC MSV 400204 NTHP	120NT01160290090		4,500,000.00	7,835,219,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THAI THAO ANH MSV 402934 NTHP	120NT01160290091		15,060,000.00	7,850,279,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI DAN PHUONG MSV 402772 NTHP	120NT01160290092		3,600,000.00	7,853,879,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI HANH MSV 402347 NTHP	120NT01160290093		4,140,000.00	7,858,019,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN TU ANH MSV 402332 NTHP	120NT01160290094		4,500,000.00	7,862,519,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN HONG NHUNG MSV 400943 NTHP	120NT01160290095		4,860,000.00	7,867,379,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGO HOANG HIEU MSV 400709 NTHP	120NT01160290096		4,860,000.00	7,872,239,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE HUU TAI MSV 402704 NTHP	120NT01160290097		4,860,000.00	7,877,099,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN TRAN KHANH QUYNH MSV 403259 NTHP	120NT01160290098		5,220,000.00	7,882,319,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NONG THI MEN MSV 401457 NTHP	120NT01160290099		5,040,000.00	7,887,359,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DIEP THI THIEN MSV 401655 NTHP	120NT01160290100		4,500,000.00	7,891,859,420.00
29/01/2016	29/01/2016	MA THI ANH MSV 401653 NTHP	120NT01160290101		4,500,000.00	7,896,359,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN MY LINH MSV 403064 NTHP	120NT01160290102		13,060,000.00	7,909,419,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THU HA MSV 400840 NTHP	120NT01160290103		4,500,000.00	7,913,919,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MAY MSV 402835 NTHP	120NT01160290104		4,500,000.00	7,918,419,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI LEN MSV 401552 NTHP	120NT01160290105		4,860,000.00	7,923,279,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG VU HUNG MSV 400901 NTHP	120NT01160290106		4,860,000.00	7,928,139,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN LE THIEN NGAN MSV 403072 NTHP	120NT01160290107		15,060,000.00	7,943,199,420.00

29/01/2016	29/01/2016	TONG KIEN DINH MSV 401018 NTHP	120NT01160290108		4,860,000.00	7,948,059,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NHAT LINH MSV 401540 NTHP	120NT01160290109		4,860,000.00	7,952,919,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HA ANH NGOC MSV 401547 NTHP	120NT01160290110		4,500,000.00	7,957,419,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LY THI THU HUYEN MSV 401062 NTHP	120NT01160290111		4,860,000.00	7,962,279,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN DUC TIEN MSV 400904 NTHP	120NT01160290112		4,860,000.00	7,967,139,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DOAN LAN ANH MSV 402132 NTHP	120NT01160290113		4,500,000.00	7,971,639,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LUC THI KIEU TRANG MSV 403526 NTHP	120NT01160290114		4,680,000.00	7,976,319,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MINH HAN MSV 403532 NTHP	120NT01160290115		4,680,000.00	7,980,999,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI THANH HANG MSV 403921 NTHP	120NT01160290116		5,220,000.00	7,986,219,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NONG THI QUYEN MSV 401151 NTHP	120NT01160290117		4,860,000.00	7,991,079,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE PHUONG ANH MSV 403243 NTHP	120NT01160290118		4,680,000.00	7,995,759,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU HUYEN TRANG MSV 403431 NTHP	120NT01160290119		4,680,000.00	8,000,439,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NHU QUYNH MSSV:402212 NOP TIEN HOC PHI	120CT01160290004		4,500,000.00	8,004,939,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HUONG GIANG MSSV:401402 NOP TIEN HOC PHI	120CT01160290005		4,500,000.00	8,009,439,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI KIM NGOC MSSV:403251 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290120		4,680,000.00	8,014,119,420.00
29/01/2016	29/01/2016	MAI HONG MINH MA SV 400740 NOP TIEN HOC PHI NAM 2016	420NT02160290003		4,860,000.00	8,018,979,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN KIEU TRINH MSSV 401520 NOP HOC PHI VAO TK TRUONG DH LUAT HN	100NT01160290005		1,440,000.00	8,020,419,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BOP HOC PHI KY 2 SINH VIEN NGUYEN THUY DUNG MA SV 402767~NC:NGUYEN DUC VIEN - Nguoi chuyen: NGUYEN DUC VIEN	001CTD1160290250		4,860,000.00	8,025,279,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM MINH TIEN NOP TIEN HOC PHI CHO PHAM THI THUY TRANG MSV 403805	450NT02160290002		5,200,000.00	8,030,479,420.00
29/01/2016	29/01/2016	SINH VIEN NGUYEN THI MINH HANH MSV 403746 LOP 4037	112NT01160290006		5,220,000.00	8,035,699,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHUYEN TIEN HOC PHI KY II .VU THI PHUONG THAO .LOP 4017- MSV:401719. TK MO TAI CN DONG DO~NC:LE KIM NHUNG - Nguoi chuyen: LE KIM NHUNG	001CTD1160290301		4,500,000.00	8,040,199,420.00
29/01/2016	29/01/2016	MSSV 401607 LOP 4016~NC:NGO THI THUY DUNG - Nguoi chuyen: NGO THI THUY DUNG	001CTD1160290326		2,430,000.00	8,042,629,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Nguyen Nhu Quynh, ma SV 402756, nop hoc phi hoc ky 2~NC:Nguyen Thi Ha - Nguoi chuyen: Nguyen Thi Ha	001CTD1160290329		4,860,000.00	8,047,489,420.00

29/01/2016	29/01/2016	Nop tien cho Sinh Vien Vu Thi Thanh Xuan ma SV 400736~NC:Tran Thi Kim Dung - Nguoi chuyen: Tran Thi Kim Dung	001CTD1160290368		4,860,000.00	8,052,349,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CT nop hoc phi cho sinh vien Truong thi Vui ma Sinh Vien 403665~NC:Truong Van Vuong - Nguoi chuyen: Truong Van Vuong	001CTD1160290404		5,220,000.00	8,057,569,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Nop tien hoc phi HK II - Pham Thi Thanh Huong- dH Luat HN- ma SV:401634~NC:Pham Thi Thanh Huong - Nguoi chuyen: Pham Thi Thanh Huong	001CTD1160290406		4,860,000.00	8,062,429,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THI LIEN MSV 402454 NT	120NT01160290122		4,500,000.00	8,066,929,420.00
29/01/2016	29/01/2016	SV NGUYEN THAO MY LOP 4006 MSV 400618 NOP HOC PHI 27 TIN CHI	180NT02160290001		4,860,000.00	8,071,789,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI MINH THAO NOP HO CKY II NAM 2015-2016 MSSV:402920 LOP 4029 KHOA 40	102NT01160290013		15,060,000.00	8,086,849,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN TUONG LINH MSSV 402638 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290035		4,500,000.00	8,091,349,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NHU QUYNH NOP TIEN HOC PHI KY II. MA NSSV 400567. NHAN TAI CN DONG DO-HN~NC:Nguyen Thi Kim Xuyen - Nguoi chuyen: Nguyen Thi Kim Xuyen	001CTD1160290443		11,610,000.00	8,102,959,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG VAN TU CT DONG HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016 CHO SV DANG THI NHAN MA SV 402618~NC:DANG VAN TU - Nguoi chuyen: DANG VAN TU	001CTD1160290446		4,860,000.00	8,107,819,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TC:VNCN24880.Cao Thanh Huyen, MSSV 403361~NC:NGUYEN KHANH LAN - Nguoi chuyen: NGUYEN KHANH LAN	001CTD1160290469		4,320,000.00	8,112,139,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MY LINH MSSV 402433 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290036		4,500,000.00	8,116,639,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU THU THAO MSSV 402632 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290037		4,860,000.00	8,121,499,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG THI HANG MSV: 401236 NT HOC KY 1/2016	123NT01160290012		4,500,000.00	8,125,999,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THU HIEN MSV 403947 NOP TIEN HOC PHI KY 2	130NT02160290006		5,220,000.00	8,131,219,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DINH NGOC MAI MA SV 403443 NOP HOC PHI KY II	230NT02160290001		4,680,000.00	8,135,899,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI THU HOAI MSSV 401042 NOP DU TIEN HOC PHI	120NT01160290123		860,000.00	8,136,759,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LO TIEN LONG MSSV 400764 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290124		4,500,000.00	8,141,259,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THU MSSV 402138 NT HOC PHI	120NT01160290125		4,860,000.00	8,146,119,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE QUYNH TRANG MSSV 403147 NT HOC PHI	120NT01160290127		5,220,000.00	8,151,339,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHU NGOC DIEP MSSV 402553 NT HOC PHI	120NT01160290128		4,860,000.00	8,156,199,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BACH THI SAO MAI NOP TIEN HOC KY I NAM 2015-2016. MSSV: 404067	113NT01160290011		5,220,000.00	8,161,419,420.00

29/01/2016	29/01/2016	TONG THI CHINH MSV 400723 NOP TIENHOC PHI HOC KY 2 NAM HOC 2015.2016 ~NC:01663709481 - Nguoi chuyen: 01663709481	001CTD1160290497		4,500,000.00	8,165,919,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG CHI PHUONG MSSV 400529 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290039		4,860,000.00	8,170,779,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRINH THI TUYEN MSSV 402045 NOP HOC PHI KY II (2015-2016)	103NT01160290040		4,500,000.00	8,175,279,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGO PHUONG VI MSSV 403507 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290041		4,860,000.00	8,180,139,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THU NGA -404038~NC:NGUYEN THU NGAN - Nguoi chuyen: NGUYEN THU NGAN	001CTD1160290579		5,220,000.00	8,185,359,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN VAN NAM MSSV 401109 NT HOC PHI	120NT01160290129		4,500,000.00	8,189,859,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN DIEU HOA MSSV 400725 NT HOC PHI	120NT01160290130		4,860,000.00	8,194,719,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI HAI LINH MSSV 401809 NT HOC PHI	120NT01160290131		4,500,000.00	8,199,219,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN QUY DUC MSSV 400309 NT HOC PHI	120NT01160290132		4,860,000.00	8,204,079,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU NGO NHAT HA MSSV 403565 NT HOC PHI	120NT01160290133		4,680,000.00	8,208,759,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MINH TAM - MA SV 402972~NC:BUI THI XUAN MAI - Nguoi chuyen: BUI THI XUAN MAI	001CTD1160290624		15,060,000.00	8,223,819,420.00
29/01/2016	29/01/2016	sai hoang thai ha; 403920.~NC:tran duc huy - Nguoi chuyen: tran duc huy	001CTD1160290634		5,520,000.00	8,229,339,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Pham Van Anh nop tien hoc phi ky II nam hoc 2015-2016 . Ho ten SV : Nguyen Thi Quynh Mai , Ma SV: 401447 ,Lop 14 , khoa 40 . dai hoc luat Ha Noi~NC:Pham Van Anh - Nguoi chuyen: Pham Van Anh	001CTD1160290635		4,500,000.00	8,233,839,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DAO HOANG DUNG MSV 402170 NOP HOC PHI	121NT01160290009		4,500,000.00	8,238,339,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THI THUY QUYNH NOP HP MSSV:401565	102NT01160290014		4,860,000.00	8,243,199,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI HA TIEN MSSV 402164 NT HOC PHI	120NT01160290135		4,500,000.00	8,247,699,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHAU THI NINH MSSV 402246 NT HOC PHI	120NT01160290136		4,860,000.00	8,252,559,420.00
29/01/2016	29/01/2016	MAI HONG NGOC MSSV 400340 NT HOC PHI	120NT01160290138		5,040,000.00	8,257,599,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAN THI MAY MSSV 400147 NT HOC PHI	120NT01160290139		4,860,000.00	8,262,459,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG THI LIEM MSSV 402346 NT HOC PHI	120NT01160290140		4,860,000.00	8,267,319,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THU HA NOP HOC PHI 2 NAM 2015-2016 MSSV 400421	300NT02160290002		4,860,000.00	8,272,179,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI HUE DUYEN MSSV 400451 LOP 4004 NOP HOC PHI KY 2 ~NC:HN0983983985 - Nguoi chuyen: HN0983983985	001CTD1160290657		4,860,000.00	8,277,039,420.00

29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN MANH CUONG MSSV 400106 NT HOC PHI HOC KY 2 2015-2016 ~NC:NGUYEN VAN PHUONG - Nguoi chuyen: NGUYEN VAN PHUONG	001CTD1160290658		4,500,000.00	8,281,539,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM MAI TRANG MSSV 401248 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290042		4,860,000.00	8,286,399,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THU HUONG MSSV 403213 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290043		4,680,000.00	8,291,079,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN NGOC ANH MSSV:403524 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290142		4,680,000.00	8,295,759,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAN MY HANH MSSV:400364 NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016	120NT01160290143		5,040,000.00	8,300,799,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG NHU QUYNH 403322 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290144		4,680,000.00	8,305,479,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI VAN MSSV:400258 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290145		4,860,000.00	8,310,339,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRINH NGOC HUYEN MSSV:403515 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290146		4,680,000.00	8,315,019,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI LAN HUONG MSSV:401526 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290147		4,860,000.00	8,319,879,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI THU TRANG MSSV:403847 NOP HOC PHI KI 2	120NT01160290148		5,220,000.00	8,325,099,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM TAN TRANG MSSV:402846 NOP TIEN HOC	120NT01160290149		4,500,000.00	8,329,599,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HONG MSSV:403603 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290150		4,680,000.00	8,334,279,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN QUOC LUONG MSSV 402523 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290044		4,860,000.00	8,339,139,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHU THI HAO MSSV: 403165 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290151		5,220,000.00	8,344,359,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THUY QUYNH MSSV 403926 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290045		5,220,000.00	8,349,579,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DUONG NGOC HA MSSV 402441 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290046		4,860,000.00	8,354,439,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HONG NGOC MSSV 401635 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290047		4,860,000.00	8,359,299,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHUONG HOANG TU LAM MSV:403708 NT HP KY 2N2015-2016	105NT01160290019		5,220,000.00	8,364,519,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DOAN THI KHANH HOA MA SV 401531 NOP HOC PHI HOC KY II NAM 2015-2016~NC:DOAN THI KHANH HOA - Nguoi chuyen: DOAN THI KHANH HOA	001CTD1160290691		4,500,000.00	8,369,019,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Nguyen Mai Loan, Ma so SV 402833, nhan tai CN dong do~NC:Nguyen Van Thai - Nguoi chuyen: Nguyen Van Thai	001CTD1160290694		4,860,000.00	8,373,879,420.00

29/01/2016	29/01/2016	(RmNo: 11021601297071) HOANG THI HAY MA SINH VIEN 403563 NOP HOC PHI (NHH: LIENVIETPOSTBANK DONG DO-)-NC:HOANG THI LUONG - Nguoi chuyen: HOANG THI LUONG	001CTD1160290696		4,870,000.00	8,378,749,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HO THI QUYNH ANH MSSV 403120 NOP HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	113NT01160290012		4,680,000.00	8,383,429,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI MY DUYEN MSSV 402027 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290048		4,500,000.00	8,387,929,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI LAN TRANG MSSV 402947 NOP HOC PHI KI I (2015-2016)	103NT01160290049		11,320,000.00	8,399,249,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG TU ANH- MA SV: 401435- NOP TIEN HOC PHI	390NT02160290003		4,860,000.00	8,404,109,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LUONG THI THAO MSSV:402339 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290152		4,500,000.00	8,408,609,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI TUYEN LOP 4003 MSSV 400370 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II NAM HOC 2015_2016	124NT01160290017		4,500,000.00	8,413,109,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HO VA TEN PHAN THI LE, MSSV 401003 NOP TIEN HOC KY II NAM 2015_2016	124NT01160290018		4,860,000.00	8,417,969,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN MINH HANG MA SV:403953 NOP TIEN HOC KY II NAM HOC 2015-2016	114NT01160290039		5,220,000.00	8,423,189,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THI HONG ANH MA SV 401649 SINH NGAY 21/3/1996 NOP TIEN VAO TK TRUONG DH LUAT HN	100NT01160290010		4,860,000.00	8,428,049,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MAI MSSV:401544 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290153		4,500,000.00	8,432,549,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THUY QUYNH MSV 401642 NT	120CT01160290006		15,060,000.00	8,447,609,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI PHUONG THAO MSV 401563 NT	120NT01160290154		5,040,000.00	8,452,649,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI PHUONG THAO MSV 401436 NT	120NT01160290155		4,860,000.00	8,457,509,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN XUAN LAM MSV 404042 NT	120GL04160290003		5,220,000.00	8,462,729,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAN THI KIM HOA NOP TIEN HOC PHI, MA SV 403942 TEN SINH VIEN NGUYEN NHAT MINH	114NT01160290044		5,220,000.00	8,467,949,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HO TEN HOANG THI LIEN , MA SV 401103 NOP TIEN HOC KI II NAM 2015_2016	124NT01160290019		4,860,000.00	8,472,809,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN VIET ANH NT HOC NGUYEN VIET DUC MSV 400703	360NT02160290004		4,860,000.00	8,477,669,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI TU NOP HOC PHI SV NGUYEN THI THU NGOAN MSSV 402259	300NT02160290004		4,500,000.00	8,482,169,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP HOC PHI SV HA THI QUYNH CHI MSV 400664 HOC KY 2 NAM HOC 2016	280NT02160290004		4,860,000.00	8,487,029,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN HOANG ANH MS:401143 NT HOC PHI	340NT02160290003		4,500,000.00	8,491,529,420.00

29/01/2016	29/01/2016	LE NGUYEN THACH THAO MSV 401908 LOP 4019 NT HOC PHI KY 2	002NP03160290001		4,860,000.00	8,496,389,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TA NGOC BAO THU MA SV 402640 NOP TIEN HOC PHI DVH TAI CN DONG DO ~NC:HN01255335669 - Nguoi chuyen: HN01255335669	001CTD1160290785		4,500,000.00	8,500,889,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THU TRANG MSSV 402639~NC:PHAM THU TRANG - Nguoi chuyen: PHAM THU TRANG	001CTD1160290754		4,500,000.00	8,505,389,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THU TRANG 401909~NC:NGUYEN THU TRANG - Nguoi chuyen: NGUYEN THU TRANG	001CTD1160290765		4,860,000.00	8,510,249,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI LE NOP TIEN HP KY II NAM 2015-2016.MSSV:404058	102NT01160290017		5,220,000.00	8,515,469,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI HOC KY II SV: NGUYEN THI NHU NGOC =MSSV: 401763 LOP 4017	101NT01160290011		4,500,000.00	8,519,969,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HUYEN TRANG MSSV: 403204 NOP HOC PHI HOC KY 2	431NT02160290001		4,680,000.00	8,524,649,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG DINH TUAN MSSV 400358 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290052		4,860,000.00	8,529,509,420.00
29/01/2016	29/01/2016	MA THI VAN MSSV 403406 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290053		4,680,000.00	8,534,189,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DUONG NGOC LAN MSSV 401619 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290054		4,860,000.00	8,539,049,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THAI SON NOP TIEN HOC PHI KY II/ MSSV: 404029	114NT01160290046		5,220,000.00	8,544,269,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOC SINH DANG THUY TIEN MSSV 401032 LOP 4010 NOP TIEN HOC KI 2 4.500.000D	114NT01160290047		4,500,000.00	8,548,769,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM VAN HUNG MSSV 403059 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103CT01160290004		15,060,000.00	8,563,829,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THU HUONG MSSV 403931 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290056		5,220,000.00	8,569,049,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM MINH TRANG MSSV 401425 NT HOC PHI	120NT01160290156		4,500,000.00	8,573,549,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG ICH TIEN MSSV 400116 NT HOC PHI	120NT01160290157		5,040,000.00	8,578,589,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI TUYET MAI MSSV 401832 NT HOC PHI	120NT01160290158		4,860,000.00	8,583,449,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NGOC BICH MSSV 400213 NT HOC PHI	120NT01160290159		4,860,000.00	8,588,309,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LUC THANH THAO MSSV 401266 NT HOC PHI	120NT01160290160		4,860,000.00	8,593,169,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU QUOC CUONG MSSV 403371 NT HOC PHI	120NT01160290161		4,680,000.00	8,597,849,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM NGOC ANH MSSV 403366 NT HOC PHI	120NT01160290162		4,680,000.00	8,602,529,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI QUYNH MSSV 403364 NT HOC PHI	120CT01160290007		4,680,000.00	8,607,209,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU HOANG DIEM MY MSSV:403745 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290163		5,220,000.00	8,612,429,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN HUNG SON MSSV 403549 NOP TIEN HOC PHI HK II	101NT01160290012		5,220,000.00	8,617,649,420.00

29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN NGOC LINH MSSV 402224 NT HOC PHI	120NT01160290164		4,860,000.00	8,622,509,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN HAI CHI MSSV:403748 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290165		5,220,000.00	8,627,729,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THI MY DUYEN MSSV:401562 NOP HOC PHI	120NT01160290167		4,500,000.00	8,632,229,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LO VAN CHUNG MSSV:402701 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290169		4,500,000.00	8,636,729,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN PHUONG LINH MSSV:402717 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290170		4,500,000.00	8,641,229,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN TRUNG DUNG MSSV:402741 NOP HOC PHI	120NT01160290171		4,860,000.00	8,646,089,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI MAI MSSV 402362 NT HOC PHI	120NT01160290172		5,040,000.00	8,651,129,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN HONG HA TRANG MSSV 403519 NOP TIEN HOC PHU HK II	101NT01160290013		5,220,000.00	8,656,349,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LO XUAN HUNG MSV:402518 LOP 4025 KHOA 40 NOP HOC PHI KI 1 NAM 2015-2016	120NT01160290173		3,780,000.00	8,660,129,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI TRANG MSSV 402136 NT HOC PHI	120NT01160290174		4,860,000.00	8,664,989,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN NGOC DIEP MSSV:402709 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290175		4,500,000.00	8,669,489,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM TRA MY MSSV:402446 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290176		4,860,000.00	8,674,349,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MY GIANG MSV 400437 NOP TIEN HOC PHI	121NT01160290010		4,680,000.00	8,679,029,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN DINH CANH MSSV 401353 NOP TIEN HOC	120NT01160290177		4,500,000.00	8,683,529,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NGOC HUYEN MSSV:402730 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290178		4,860,000.00	8,688,389,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DOAN THI THUY LINH MSSV:403429 NOP TIEN HOC PHI KI 2	120NT01160290180		4,680,000.00	8,693,069,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI HONG NGOC MSSV:402037 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290181		5,040,000.00	8,698,109,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC CHO SINH VIEN , DO HONG NHUNG MA SV :402530~NC:do hong nhung - Nguoi chuyen: do hong nhung	001CTD1160290812		4,860,000.00	8,702,969,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP HOC PHI CHO SV PHAM HONG NHUNG MSSV 400646~NC:NGUYEN DINH TOAN - Nguoi chuyen: NGUYEN DINH TOAN	001CTD1160290818		4,700,000.00	8,707,669,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHU THI NGOC CT CHO TRUONG DAI HOC LUAT~NC:TECHCOM BANK - Nguoi chuyen: TECHCOM BANK	001CTD1160290822		4,500,000.00	8,712,169,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI LINH TRANG NOP TIEN HOC PHI. MA SV 401035. NHAN TAI NH LIENVIETPOSTBANK CN DONG DO~NC:MA THI DUNG - Nguoi chuyen: MA THI DUNG	001CTD1160290826		5,040,000.00	8,717,209,420.00

29/01/2016	29/01/2016	NOP HOC PHI CHO SV PHAM HONG NHUNG MSSV: 400646~NC:NGUYEN DINH TOAN - Nguoi chuyen: NGUYEN DINH TOAN	001CTD1160290843		160,000.00	8,717,369,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN VIET ANH MA SINH VIEN 402712, HOC PHI KY 2~NC:NGUYEN THI THANH - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THANH	001CTD1160290846		4,500,000.00	8,721,869,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CT~NC:Hoang Thi Trang - Nguoi chuyen: Hoang Thi Trang	001CTD1160290849		5,220,000.00	8,727,089,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Vu Thi Duong MSV 401301 Khoa 40 Nop tien hoc 4.500.000 d hoc ky II nam hoc 2015-2016~NC:Vu Thi Duong - Nguoi chuyen: Vu Thi Duong	001CTD1160290855		4,500,000.00	8,731,589,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Pham Thi Thanh Tinh MSV 401309 Khoa 40 nop tien hoc 4.500.000 d Hoc ky II nam hoc 2015-2016~NC:Pham Thi Thanh Tinh - Nguoi chuyen: Pham Thi Thanh Tinh	001CTD1160290859		4,500,000.00	8,736,089,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG NGOC ANH , MSV 401244 NOP TIEN HOC PHI KY 2. NHAN TAI CN DONG DO~NC:HOANG NGOC ANH - Nguoi chuyen: HOANG NGOC ANH	001CTD1160290860		4,860,000.00	8,740,949,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP HOC PHI KY II MSV: 403348 LOP 4033. NHAN TAI NH LIEN VIET CN DONG DO~NC:Bui Thi Nhan - Nguoi chuyen: Bui Thi Nhan	001CTD1160290861		4,320,000.00	8,745,269,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THANH CONG MA SV 403717 NOP HOC PHI	122NT01160290010		5,220,000.00	8,750,489,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DAM THI THIEP MSSV 403249 NT HOC PHI HOC KY II NAM 2015-2016	124NT01160290021		4,680,000.00	8,755,169,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI THOA NT HOC PHI NGUYEN THAO LINH MSV 402519	180NT02160290002		4,680,000.00	8,759,849,420.00
29/01/2016	29/01/2016	QUACH THAO UYEN MSSV 403241 NT HOC PHI KI II NAM HOC 2015-2016	124NT01160290022		4,680,000.00	8,764,529,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM NU ANH THI MSSV 403559 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290057		5,220,000.00	8,769,749,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NONG THI HOA MSSV 402844 NT HOC PHI KY II NAM HOC 2015-2016	124NT01160290023		4,500,000.00	8,774,249,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG THI QUYNH TRANG MSSV 401867 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290058		4,500,000.00	8,778,749,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DINH KIEU OANH MSSV 402057 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290059		4,860,000.00	8,783,609,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN DIEU LINH MSSV 402631 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290060		4,860,000.00	8,788,469,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO MAI HUONG MSSV 402659 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160290061		4,500,000.00	8,792,969,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI THUY DUNG MSV 401413 NTHP	120NT01160290185		4,860,000.00	8,797,829,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI LINH TRANG MSV 402851 NTHP	120NT01160290186		4,500,000.00	8,802,329,420.00

29/01/2016	29/01/2016	NGO KIM OANH MSV 402161 NTHP	120NT01160290187		4,500,000.00	8,806,829,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRIEU THI LAY MSSV 403268 NT HOC PHI KY II NAM 2015-2016	124NT01160290026		4,680,000.00	8,811,509,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG VAN TOAN MSV 401345 NTHP	120NT01160290188		4,140,000.00	8,815,649,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHUONG THI THIEN MSV 402672 NTHP	120NT01160290189		4,860,000.00	8,820,509,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NONG VAN NAM MSV 402173 NTHP	120NT01160290190		4,860,000.00	8,825,369,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE HUONG QUYNH MSV 402036 NTHP	120NT01160290191		4,500,000.00	8,829,869,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Nhan tai CN dong do (nop hoc phi ki II - ma SV: 403166 - do Ngoc Anh Thu)~NC:DO NGOC ANH THU - Nguoi chuyen: DO NGOC ANH THU	001CTD1160290876		4,680,000.00	8,834,549,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Nop tien hoc phi ky II/2016 cua Nguyen Thi Huong Anh - Ma the SV: 401512~NC:Nguyen Thi Huong Anh - Nguoi chuyen: Nguyen Thi Huong Anh	001CTD1160290881		4,860,000.00	8,839,409,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CT CN DONG DO HN (NOP TIEN CHO SV NGUEN ANH LINH - MA SV 403043 LOP 30B)~NC:HOANG THI HUONG GIANG - Nguoi chuyen: HOANG THI HUONG GIANG	001CTD1160290902		15,060,000.00	8,854,469,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Nop hoc phi sinh vien Luong Thi Huyen Trang. Ma sinh vien 401458~NC:Luong Manh Khoi - Nguoi chuyen: Luong Manh Khoi	001CTD1160290907		4,500,000.00	8,858,969,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LU THI THAO TRINH MSSV:401327 CT NHAN TAI CN DONG DO~NC:LU THI THAO TRINH - Nguoi chuyen: LU THI THAO TRINH	001CTD1160290913		4,860,000.00	8,863,829,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THUY LINH MSV 402237 NOP TIEN HOC PHI	121NT01160290011		5,040,000.00	8,868,869,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LUC THI UYEN NOP TIEN HOC PHI CHO SV TONG THI QUYNH NGA MSV 401625	250NT02160290004		4,500,000.00	8,873,369,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI CHO SV NGUYEN HUYEN TRANG MSV 402935 DA CHUYEN VE LOP 4403606 TU HK2	250NT02160290005		4,320,000.00	8,877,689,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CAO THI THUONG MSV 400644 LOP 4006 NOP HOC PHI KY II-K40	113NT01160290016		5,040,000.00	8,882,729,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU THI PHUONG MSSV:401761 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290194		3,780,000.00	8,886,509,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DAM THI HUYEN TRAN MSSV: 401262 DONG TIEN HOC PHI	101NT01160290016		4,860,000.00	8,891,369,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DINH DUY LUC MSSV: 400672 DONG HOC PHI	101NT01160290017		4,860,000.00	8,896,229,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHUYEN KHOAN TAI MAY ATM	120ZATM16029001D		4,500,000.00	8,900,729,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LANH THI MAI CHUYEN TIEN HOC PHI CHO LANH DUC THIEN MSSV: 402267~NC:Lanh Thi Mai - Nguoi chuyen: Lanh Thi Mai	001CTD1160290935		4,500,000.00	8,905,229,420.00

29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI KY II; MSSV:401372~NC:TRINH THI CHAM - Nguoi chuyen: TRINH THI CHAM	001CTD1160290940		4,860,000.00	8,910,089,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN NGUYEN KHANH 402943~NC:NGUYEN THI KIM HOA - Nguoi chuyen: NGUYEN THI KIM HOA	001CTD1160290964		15,060,000.00	8,925,149,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN HAI YEN NOP TIEN HOCCHO SINH VIEN DANG TUAN ANHMA SO 404043~NC:NGUYEN HAI YEN - Nguoi chuyen: NGUYEN HAI YEN	001CTD1160290968		5,220,000.00	8,930,369,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TC:N50400152.CT CHO SV HOANG TRUNG KIEN MA SV 402841~NC:HA THI NGA - Nguoi chuyen: HA THI NGA	001CTD1160290980		4,500,000.00	8,934,869,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU THI THUY TIEN MSSV:402734 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290195		4,860,000.00	8,939,729,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE THI HANH MSSV:402359 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290196		4,500,000.00	8,944,229,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI HUYEN MA SINH VIEN 402963~NC:NGUYEN VAN HUNG - Nguoi chuyen: NGUYEN VAN HUNG	001CTD1160290994		15,060,000.00	8,959,289,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TC:VNCN33258.Nguyen Phuong Ha; MSSV: 400738; nop tien hoc phi~NC:DOAN THI MINH PHUONG - Nguoi chuyen: DOAN THI MINH PHUONG	001CTD1160290999		4,680,000.00	8,963,969,420.00
29/01/2016	29/01/2016	MSSV: 401906 TRAN THI HUONG DONG TIEN HOC PHI~NC:Tran Thi Huong - Nguoi chuyen: Tran Thi Huong	001CTD1160291002		4,860,000.00	8,968,829,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CT cho em : Ban Thi Dung (SV dH Luat Ha Noi) Lop 4010 , Ma Sinh Vien 401052 . Nhan tai NH TMCP Buu dien Lien Viet - CN dong do - Ha Noi~NC:Ban Thi Kieu - Nguoi chuyen: Ban Thi Kieu	001CTD1160291004		5,040,000.00	8,973,869,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM TUAN MANH MSV400403 NOP HP CHO TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI NHAN TAI NH BUU DIEN LIEN VIET CN DONG DO~NC:PHAM TUAN MANH - Nguoi chuyen: PHAM TUAN MANH	001CTD1160291011		4,500,000.00	8,978,369,420.00
29/01/2016	29/01/2016	MSSV 402643 TRAN THI LE QUYEN~NC:TRAN THI LE QUYEN - Nguoi chuyen: TRAN THI LE QUYEN	001CTD1160291015		4,500,000.00	8,982,869,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI KI 2~NC:LUC THI THANH NGAN - Nguoi chuyen: LUC THI THANH NGAN	001CTD1160291028		4,500,000.00	8,987,369,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DONG TIEN HOC PHI CHO HS TRAN MANH THANG MA SV 403770~NC:NGUYEN THI THANH HA - Nguoi chuyen: NGUYEN THI THANH HA	001CTD1160291032		5,220,000.00	8,992,589,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO THI HUONG MSV 401331 NTHP	120NT01160290198		4,860,000.00	8,997,449,420.00
29/01/2016	29/01/2016	THAO A CHU MSV 401554 NT	120NT01160290199		4,860,000.00	9,002,309,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NONG THI PHUONG MSV 403548 NTHP	120NT01160290200		5,220,000.00	9,007,529,420.00

29/01/2016	29/01/2016	PHAM THANH TUNG MSV 402309 NT	120NT01160290201		4,860,000.00	9,012,389,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI OANH MSV 401662 NT	120NT01160290202		4,860,000.00	9,017,249,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI THUONG MSV 402525 NTHP	120NT01160290203		4,860,000.00	9,022,109,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN DANG MANH PHUC MSV 403311 NT	120NT01160290204		4,680,000.00	9,026,789,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN TU MY MSV 404054 NT	120NT01160290205		5,250,000.00	9,032,039,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN PHUONG THUY MSV 403863 NTHP	120NT01160290206		5,220,000.00	9,037,259,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THI THUY AN MSV 402724 NT	120NT01160290207		4,500,000.00	9,041,759,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TANG HOANG MINH MSV 402727 NTHP	120NT01160290208		4,500,000.00	9,046,259,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NONG THI HANG MSV 402864 NT	120NT01160290209		4,500,000.00	9,050,759,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI THANH LAM MSV 403248 NT HOC PHI KY II	105NT01160290027		4,680,000.00	9,055,439,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THAO LINH MSV 402723 NTHP	120NT01160290210		4,500,000.00	9,059,939,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI BICH NGOC MSV 401758 NT	120NT01160290211		4,500,000.00	9,064,439,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU THU HUONG 402825 NOP TIEN HOC PHI DVH TAI CN DONG DO ~NC:HN0912931937 - Nguoi chuyen: HN0912931937	001CTD1160291049		4,500,000.00	9,068,939,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHUYEN TIEN HOC KY 2 SINH VIEN NGUYEN VIET HOANG MA SO SV 401860 ~NC:TP LAI CHAU01672490679 - Nguoi chuyen: TP LAI CHAU01672490679	001CTD1160291075		4,500,000.00	9,073,439,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LUONG HOANG THAO CHI MSV 401571 NTHP	120NT01160290212		4,860,000.00	9,078,299,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DO THI THAO ANH 402464 NT	120NT01160290213		4,860,000.00	9,083,159,420.00
29/01/2016	29/01/2016	THAO A MENH MSV 402871 NT	120NT01160290214		4,500,000.00	9,087,659,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DINH HOANG LOC MSV 402534 NTHP	120NT01160290215		4,860,000.00	9,092,519,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THI DIEU HANG MSV 402863 NT	120NT01160290216		4,860,000.00	9,097,379,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN VAN DOANH MSV 402743 NTHP	120NT01160290217		4,860,000.00	9,102,239,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN ANH QUYEN MSV 402837 NT	120NT01160290218		4,500,000.00	9,106,739,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU A TUA 402848 NT	120NT01160290219		4,500,000.00	9,111,239,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VANG A LAU MSV 400550 NTHP	120NT01160290220		4,860,000.00	9,116,099,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THUC HIEN MSV 403916 NTHP	120NT01160290221		5,220,000.00	9,121,319,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THUY LINH MSV 401046 NTHP	120NT01160290223		4,860,000.00	9,126,179,420.00
29/01/2016	29/01/2016	THAO A PO MSV 401654 NT	120NT01160290224		4,860,000.00	9,131,039,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THU TRANG MSV 403772 NT	120NT01160290225		360,000.00	9,131,399,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI NGOC HAN MSV 402349 NTHP	120NT01160290226		4,500,000.00	9,135,899,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VO KHANH BACH MSV 401545 NTHP	120NT01160290227		4,500,000.00	9,140,399,420.00

29/01/2016	29/01/2016	TRINH THU PHUONG MSV 403342 NTHP	120NT01160290228		4,680,000.00	9,145,079,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI MINH NOP HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016 CHO DANG THI LOI-MSV 401422	430NT02160290003		4,860,000.00	9,149,939,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI THANH HUYEN MSV 400346 NTHP	120NT01160290229		4,860,000.00	9,154,799,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LAI THI BINH HUE MSV 400945 NTHP	120NT01160290230		4,860,000.00	9,159,659,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THI NHU Y MSV 403641 NTHP	120NT01160290231		4,680,000.00	9,164,339,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DAO THI GIANG MSV 401406 NTHP	120NT01160290232		5,040,000.00	9,169,379,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HUYNH THI KIM THUY MSV 403267 NTHP	120NT01160290233		4,680,000.00	9,174,059,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LE DUC CONG MSV 401365 NTHP	120NT01160290234		4,860,000.00	9,178,919,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP HOC PHI KY 2 NAM 2015-2016 CHO DAU PHUONG THAO-MSV:404049-LOP 4040	430NT02160290005		5,220,000.00	9,184,139,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI CHINH NGHIA MSV 400753 NTHP	120NT01160290235		4,500,000.00	9,188,639,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN THI KIM NGAN MSV 403749 NTHP	120NT01160290236		5,220,000.00	9,193,859,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU THI CHI MAI MSV 403247 NTHP	120NT01160290237		4,680,000.00	9,198,539,420.00
29/01/2016	29/01/2016	THIEU THI TRINH MSV 401572 NTHP	120NT01160290238		4,140,000.00	9,202,679,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN HIEN PHUONG MSV 402108 NTHP	120NT01160290239		4,860,000.00	9,207,539,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM THUY DUNG-MSSV:402952 NT HOC KY 2 NAM NHAT VAO TK TRUONG DHL HN	100NT01160290018		15,060,000.00	9,222,599,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LY THI HONG MSV 403171 NTHP	120NT01160290241		5,220,000.00	9,227,819,420.00
29/01/2016	29/01/2016	LO VAN DUYEN MSV 403232 NTHP	120NT01160290242		4,680,000.00	9,232,499,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN HUY QUANG MSV 403837 NTHP	120NT01160290243		5,220,000.00	9,237,719,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THU UYEN MSV 400307 NTHP	120NT01160290244		4,860,000.00	9,242,579,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VUONG SY THI GIANG MSV 403762 NTHP	120NT01160290246		5,220,000.00	9,247,799,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM NHAT LINH.MSSV: 403961 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290247		4,860,000.00	9,252,659,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PHAM NGOC ANH.MSSV 404066.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290248		5,220,000.00	9,257,879,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU KHANH LINH.MSSV:403923 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290250		5,220,000.00	9,263,099,420.00
29/01/2016	29/01/2016	VU THI XUAN.MSSV:402329.NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290251		4,500,000.00	9,267,599,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NGUYEN HA LINH.MSSV: 404050. NOP TIEN HOC PHI	120NT01160290252		5,220,000.00	9,272,819,420.00
29/01/2016	29/01/2016	BUI THI THUY MSV 402053 NTHP	120CT01160290008		4,860,000.00	9,277,679,420.00
29/01/2016	29/01/2016	Chuyen tien HP cho Pham Linh Ngoc ma SV 402615~NC:Pham Van Quang - Nguoi chuyen: Pham Van Quang	001CTD1160291090		4,860,000.00	9,282,539,420.00

29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI KY 2/2015-2016 MSV 403141 (SINH VIEN : NGUYEN LAM OANH) NHAN TAI NGAN HANG BUU DIEN LIEN VIET CHI NHANH DONG DO~NC:TRAN HUNG - Nguoi chuyen: TRAN HUNG	001CTD1160291092		5,220,000.00	9,287,759,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP HOC PHI KY II MA SV 402063~NC:HOANG DINH MY - Nguoi chuyen: HOANG DINH MY	001CTD1160291116		4,860,000.00	9,292,619,420.00
29/01/2016	29/01/2016	DANG HA PHUONG MSV: 404059 NT HP KY II	123NT01160290016		5,220,000.00	9,297,839,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN CHO PHAN THI KHANH LY,MA SINH VIEN:403943 (DIEN KHAN)~NC:NGUYEN THI HOAN - Nguoi chuyen: NGUYEN THI HOAN	001CTD1160291157		5,220,000.00	9,303,059,420.00
29/01/2016	29/01/2016	CHUYEN TIEN HOC PHI PHUNG LINH TRANG MSV 403065~NC:PHUNG VAN LONG - Nguoi chuyen: PHUNG VAN LONG	001CTD1160291220		15,060,000.00	9,318,119,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI NGUYET MSV: 401237 NOP HOC PHI.~NC:HOANG THI NGUYET - Nguoi chuyen: HOANG THI NGUYET	001CTD1160291256		4,860,000.00	9,322,979,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HA THI QUE--TEN SINH VIEN: DO HOANG HIEP, MA SO SV 400603, LOP 4006. CHUYEN TIEN HOC---~NC:HA THI QUE - Nguoi chuyen: HA THI QUE	001CTD1160291300		4,860,000.00	9,327,839,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HO TEN SINH VIEN: NGO DUY HONG QUAN- MSSV: 402653~NC:NGO DUY HONG QUAN - Nguoi chuyen: NGO DUY HONG QUAN	001CTD1160291302		4,860,000.00	9,332,699,420.00
29/01/2016	29/01/2016	PO MINH CHUYEN CHUYEN TIEN HOC PHI HOC KI II NAM HOC 2016 - 2017,MSSV LA 400631~NC:PO MINH CHUYEN - Nguoi chuyen: PO MINH CHUYEN	001CTD1160291283		5,040,000.00	9,337,739,420.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN XUAN DUC-MSSV:402305 NOP TIEN HOC PHI-NC:TRAN XUAN DUC - Nguoi chuyen: TRAN XUAN DUC	001CTD1160291328		4,860,000.00	9,342,599,420.00
29/01/2016	29/01/2016	HOANG THI THU HIEN MSSV 401972 LOP 4019 NOP TIEN HOC PHI HOC KY II	101NT01160290018		5,040,000.00	9,347,639,420.00
29/01/2016	29/01/2016	NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM HOC 2016, SV NGUYEN THI TUYET ANH, MSSV 402260	130NT02160290008		4,860,500.00	9,352,499,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN THI PHUONG ANH-MA SINH VIEN:403766 NOP HOC PHI	122NT01160300001		5,220,000.00	9,357,719,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN CHU THU THUY MSSV:403728 NOP HOC PHI	120NT01160300002		360,000.00	9,358,079,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LE PHUONG THAO MSSV:402233 NOP HOC PHI	120CT01160300001		4,500,000.00	9,362,579,920.00
30/01/2016	30/01/2016	DO HUY KHOI MSV 403031 LOP 4030A2 NT HOC PHI HK II NAM 2015-2016	124NT01160300001		15,060,000.00	9,377,639,920.00

30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN HO HOANG YEN MSSV 401732 NOP TIEN HOC PHI KY 2 2015-2016	421NT02160300001		4,860,000.00	9,382,499,920.00
30/01/2016	30/01/2016	VU PHUONG LINH MSSV 403962 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300002		5,220,000.00	9,387,719,920.00
30/01/2016	30/01/2016	HOANG DIEU HUONG MSSV 401771 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300003		4,500,000.00	9,392,219,920.00
30/01/2016	30/01/2016	TRAN MINH CHAU MSV: 403053 NT HOC PHI	102NT01160300002		15,060,000.00	9,407,279,920.00
30/01/2016	30/01/2016	PHAN KHANH HA MSV: 403071 NT HOC PHI	102NT01160300003		15,060,000.00	9,422,339,920.00
30/01/2016	30/01/2016	HOANG KHANH LINH MSSV:401737 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300003		4,500,000.00	9,426,839,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN THI KIM ANH MSV:400264 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300004		4,860,000.00	9,431,699,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN GIANG UY:400845 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300005		4,860,000.00	9,436,559,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN HOANG PHUC HAI NOP HOC PHI KY I NAM 2015-2016-MSSV:400411	360NT02160300002		4,150,500.00	9,440,710,420.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN QUANG ANH MSSV:404020 NOP TIEN HOC PHI HOC KY 2	120NT01160300006		5,220,000.00	9,445,930,420.00
30/01/2016	30/01/2016	TRAN THI LIEN HUONG MSV 400639 NT HOC PHI	002NP03160300001		4,860,000.00	9,450,790,420.00
30/01/2016	30/01/2016	NOP TIEN HOC PHI HOC KI 2 NAM HOC 2016, SV PHAM TRUONG GIANG, MSSV 400409	130NT02160300001		4,503,500.00	9,455,293,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN THU YEN MSSV 402236 NOP HOC PHI	122NT01160300007		4,860,000.00	9,460,153,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LUU THI MINH THUY MSSV:403866 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300007		5,220,000.00	9,465,373,920.00
30/01/2016	30/01/2016	HOANG THI PHONG MSSV:402366 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300008		4,860,000.00	9,470,233,920.00
30/01/2016	30/01/2016	PHAM THI THUY DUONG MSSV: 401824	102NT01160300005		4,500,000.00	9,474,733,920.00
30/01/2016	30/01/2016	VU VAN LINH MSSV:400507 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300009		4,860,000.00	9,479,593,920.00
30/01/2016	30/01/2016	PHAM THI MINH PHUONG SBD 403061	113NT01160300002		15,060,000.00	9,494,653,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LE PHUONG ANH MSSV:403858 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300010		5,220,000.00	9,499,873,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN DUC ANH-MSV 402545-LOP 25 DONG TIEN HOC PHI HOC KY II, KHOA 40 DAI HOC LUAT HA NOI	104NT01160300002		4,860,000.00	9,504,733,920.00
30/01/2016	30/01/2016	PHAM QUOC ANH MSSV:404063 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300011		5,220,000.00	9,509,953,920.00
30/01/2016	30/01/2016	TO THUY HANG DONG TIEN HOC PHI KI 2 2015-2016 HO VA TEN TO THUY HANG MSV 400557 VAO TK TRUONG DAI HOC LUAT HN	100NT01160300006		4,900,000.00	9,514,853,920.00

30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN THI THANH HANG MSSV:401843 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300012		5,040,000.00	9,519,893,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN THAO HIEN MSSV:403839 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300013		5,220,000.00	9,525,113,920.00
30/01/2016	30/01/2016	SINH VIEN TRUONG ANH MAI MSSV:400636 LOP 4006 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300014		4,860,000.00	9,529,973,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LE NGUYEN TUAN ANH MSSV:403222 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300016		4,680,000.00	9,534,653,920.00
30/01/2016	30/01/2016	BUI THI THU THUY MSSV:401044 NOP TIEN	120NT01160300017		4,860,000.00	9,539,513,920.00
30/01/2016	30/01/2016	DINH KHANH TOAN-MSV 402501 NOP TIEN HOC PHI KY 2 NAM HOC 2015-2016 KHOA 40	290NT02160300001		4,860,000.00	9,544,373,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LE THI MAI HUONG MSSV 402163 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300004		4,500,000.00	9,548,873,920.00
30/01/2016	30/01/2016	PHAM THANH CONG MSSV 400367 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300005		4,860,000.00	9,553,733,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN TUAN TRUNG MSSV:403965 NOP TIEN HOC PHI	120NT01160300018		5,300,000.00	9,559,033,920.00
30/01/2016	30/01/2016	TRAN LE MINH MSSV 401827 NOP HOC PHI KI II(2015-2016)	103NT01160300006		5,040,000.00	9,564,073,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LE THI MINH THAO MSSV 400852 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300007		4,860,000.00	9,568,933,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LE THI MINH THU MSSV 400853 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300008		4,860,000.00	9,573,793,920.00
30/01/2016	30/01/2016	DO MINH ANH MSV: 400224 NT HP KY 2 TRUONG DH LUAT	123NT01160300003		4,500,000.00	9,578,293,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN DUC THAI MSV 402966 LOP 29B NOP TIEN HOC PHI HK II NAM 2015_2016	124NT01160300006		15,060,000.00	9,593,353,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN PHUONG LINH MA SV 402024 NT HOC PHI	420NT02160300002		6,000,000.00	9,599,353,920.00
30/01/2016	30/01/2016	DINH THU THAO MSV 403035 KHOA K40 TIEN HOC PHI KI 2 NGANH LUAT CHAT LUONG CAO CHO TRUONG DAI HOC LUAT HN	100NT01160300007		15,060,000.00	9,614,413,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN VAN ANH NOP HOC PHI KY II - MSSV: 400941	114NT01160300003		4,500,000.00	9,618,913,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NOP HOC PHI KY II TA HOANG AN MSSV: 404057	114NT01160300004		5,220,000.00	9,624,133,920.00
30/01/2016	30/01/2016	HOANG THI KIEU ANH MSSV 403711 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300010		5,220,000.00	9,629,353,920.00
30/01/2016	30/01/2016	TRAN THI HUONG GIANG MSSV 403824 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300011		5,220,000.00	9,634,573,920.00
30/01/2016	30/01/2016	HOANG THI KIM ANH MSSV 402637 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300012		4,500,000.00	9,639,073,920.00
30/01/2016	30/01/2016	PHAM THI HUONG NOP HOC PHI KY II , TEN SINH VIEN: PHAM THI HUONG , MA SV 402354	370NT02160300001		4,500,000.00	9,643,573,920.00

30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN HOANG DUY ANH MSSV: 404019 NOP TIEN HOC PHI	101NT01160300002		5,220,000.00	9,648,793,920.00
30/01/2016	30/01/2016	BUI GIA HUNG NOP TIEN HOC PHI SINH VIEN BUI THANH HUYEN MA SV:400443	115NT01160300004		4,500,000.00	9,653,293,920.00
30/01/2016	30/01/2016	DINH VAN HIEU MSSV 401610 NOP TIEN HP	120CT01160300002		4,500,000.00	9,657,793,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGO MINH SON MSSV 402130 NOP HOC PHI KI II (2015-2016)	103NT01160300013		4,860,000.00	9,662,653,920.00
30/01/2016	30/01/2016	MSSV:403669 DINH PHUONG THAO NOP HOC PHI HOC KY 2 2015-2016	113NT01160300004		4,680,000.00	9,667,333,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LE QUYNH CHI MSSV 402628 NOP TIEN HP	120NT01160300020		4,860,000.00	9,672,193,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LE THI HUONG TRANG MSSV 400632 LOP 4006 NOP HP(20TC=3.600.000)	120NT01160300021		3,600,000.00	9,675,793,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN HONG HANH MSSV 403263 LOP 32	120NT01160300022		4,680,000.00	9,680,473,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN THI NGAN MSSV 403929 NOP TIEN HP	120NT01160300023		5,220,000.00	9,685,693,920.00
30/01/2016	30/01/2016	TRAN NGOC QUYNH MSSV 401429 NOP TIEN HP	120NT01160300024		4,500,000.00	9,690,193,920.00
30/01/2016	30/01/2016	TRAN THI NHU QUYNH MSSV 403437 NOP TIEN HP KY 2	120NT01160300025		4,680,000.00	9,694,873,920.00
30/01/2016	30/01/2016	TRAN THI NHU QUYEN MSSV 403436 NOP TIEN HP KY 2	120NT01160300026		4,680,000.00	9,699,553,920.00
30/01/2016	30/01/2016	LE THI THANH HUYEN MSSV 401661 NOP TIEN HP	120NT01160300027		4,860,000.00	9,704,413,920.00
30/01/2016	30/01/2016	TRAN DIEU LINH MSSV 401249 NOP TIEN HP KY 2	120NT01160300028		4,860,000.00	9,709,273,920.00
30/01/2016	30/01/2016	CAO THI QUYNH MSSV 402316 NOP TIEN HP	120NT01160300029		4,500,000.00	9,713,773,920.00
30/01/2016	30/01/2016	DANG MANH CUONG MSSV 403901 NOP TIEN HP	120NT01160300031		4,860,000.00	9,718,633,920.00
30/01/2016	30/01/2016	DANG THI QUYNH ANH MSSV 402735 NOP TIEN HP	120NT01160300032		4,860,000.00	9,723,493,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN THI HIEN MSSV 401558 NOP TIEN HP	120NT01160300033		4,860,000.00	9,728,353,920.00
30/01/2016	30/01/2016	TRAN PHUONG ANH MSSV 401645 NOP TIEN HP	120NT01160300034		4,860,000.00	9,733,213,920.00
30/01/2016	30/01/2016	DUONG THI HONG NHUNG MSSV 402616 NOP TIEN HP	120NT01160300035		4,860,000.00	9,738,073,920.00
30/01/2016	30/01/2016	KHUONG THUY TIEN MSSV 402542 NOP TIEN HP	120NT01160300036		4,860,000.00	9,742,933,920.00
30/01/2016	30/01/2016	NGUYEN PHUONG THAO MSSV 400504 NOP HP KY 1	120NT01160300037		4,860,000.00	9,747,793,920.00
30/01/2016	30/01/2016	KHUAT HUYEN GIANG MSSV 403640 NOP TIEN HP	120NT01160300039		5,220,000.00	9,753,013,920.00
30/01/2016	30/01/2016	PHAM VAN TUYEN MSSV 401449 NOP TIEN HP	120NT01160300041		4,500,000.00	9,757,513,920.00
30/01/2016	30/01/2016	PHAM MAI THAO MSSV 401549 NOP TIEN HP KY 2	120NT01160300042		4,860,000.00	9,762,373,920.00
30/01/2016	30/01/2016	PHAM MINH CHAU MSV: 401535 NT HOC PHI	105NT01160300013		4,860,000.00	9,767,233,920.00
30/01/2016	30/01/2016	BUI THI KIEU NGA ,LOP 4035, ma SV 403561. Noi dung: NOP HOC PHI KY 2.	100f578160300002		4,680,000.00	9,771,913,920.00
30/01/2016	01/02/2016	THANH TOAN LAI	120VCARVND 00001		1,852,851.00	9,773,766,771.00

01/02/2016	01/02/2016	TC:VNCN45598.DAO TUAN HIEP ma SV 402604~NC:NGUYEN THI PHUONG HANH - Ngươi chuyen: NGUYEN THI PHUONG HANH	001CTD1160320405		4,860,000.00	9,778,626,771.00
01/02/2016	01/02/2016	TC:VNCN45975.Ngo Mai Chi, MSSV: 403940~NC:TRAN HUONG LY - Ngươi chuyen: TRAN HUONG LY	001CTD1160320408		5,220,000.00	9,783,846,771.00
01/02/2016	01/02/2016	LE THI XUAN HONG NOP HOC PHI KY II CHO SV VI THI KIM NGAN MA SV: 402440 LOP 4024	290NT02160320001		4,860,000.00	9,788,706,771.00
01/02/2016	01/02/2016	DC BT 120aa12160290001 ngay 29/01/2016 do ht nhām tk	120CT01160320006		218,270,000.00	10,006,976,771.00
Cộng doanh số Total				218,270,000.00	3,098,377,351.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						10,006,976,771.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bằng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát

Sao kê chi tiết từ **29/01/2016** đến **01/02/2016**

From date To date

Mã khách hàng :**99999881** Số cũ: 120003469

CIF NO

Loại tiền : **VND**

Currency

Tên tài khoản : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI-TGTT VND**

Account Name

Số tài khoản : **999998819999** Số cũ: 41201200034697040106

Account Number

Tên khách hàng : **TRUONG DAI HOC LUAT HA NOI**

Customer Name

Địa chỉ : **SO 87 NGUYEN CHI THANH . Q.DONG DA TP.HA NOI**

Address

Ngày in : **01/02/2016**

Printing date

Ngày giao dịch <i>Txn. date</i>	Ngày hiệu lực <i>Value date</i>	Nội dung giao dịch <i>Description</i>	Số giao dịch <i>Txn. No</i>	Ghi nợ <i>Debit</i>	Ghi có <i>Credit</i>	Số dư <i>Balance</i>
Số dư đầu kỳ Opening Balance						1,713,916,453.00
29/01/2016	29/01/2016	TRAN THI VAN MSSV 403958 NT HOC PHI	120NT01160290023		5,220,000.00	1,719,136,453.00
29/01/2016	29/01/2016	TONG THI HUONG GIANG NOP HOC PHI HOC KI 2 MSV 402644 LOP 4026	300NT02160290003		4,500,000.00	1,723,636,453.00
30/01/2016	01/02/2016	THANH TOAN LAI	120VCARVND 00001		1,587,625.00	1,725,224,078.00
01/02/2016	01/02/2016	DC BT 120aa12160290001 ngày 29/01/2016 do ht nhậm tk	120CT01160320006	218,270,000.00		1,506,954,078.00
Cộng doanh số Total				218,270,000.00	11,307,625.00	
Số dư cuối kỳ Ending Balance						1,506,954,078.00

Đề nghị Quý khách kiểm tra lại bằng sao kê này và thông báo ngay sai sót cho Ngân Hàng TMCP Bưu điện Liên Việt trong vòng 14 ngày kể từ khi nhận được bằng sao kê.

Please examine this statement and advise us of any discrepancy within 14 days upon receipt.

Người lập

Kiểm soát